

SẢN PHẨM THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG

PHƯƠNG THANH THỦY*

Phát triển bền vững đang là mục tiêu của nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam. Phát triển bền vững không chỉ đề cập tới môi trường mà hàm ý rằng các khía cạnh kinh tế, xã hội, tài nguyên và môi trường phải được tổng hòa và cân đối, có mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế, tiêu hao năng lượng, nguyên liệu và ô nhiễm môi trường. Việc duy trì một thể cân bằng giữa 3 yếu tố trên là một bài toán khó và rất quan trọng đối với phát triển bền vững. Phát triển bền vững là phải bảo đảm có sự phát triển kinh tế hiệu quả, giảm hao hụt tài nguyên và môi trường. Song, trên thế giới ở nhiều nước các chính sách chỉ chú trọng đến khía cạnh kinh tế, đạt tốc độ tăng trưởng GDP cao, chưa thực sự quan tâm đến khai thác sử dụng tài nguyên hợp lý, bất chấp hậu quả gây ô nhiễm môi trường. Một số nước viện cớ giảm khí thải làm giảm tăng trưởng kinh tế. Đến nay Mỹ không cam kết thực hiện Nghị định thư Kyoto cắt giảm khí thải gây hiệu ứng nhà kính. Mỗi năm toàn thế giới thải ra 24 tỷ tấn khí CO₂, trong đó Mỹ thải nhiều nhất 5,85 tỷ tấn, khoảng 25% lượng khí thải CO₂ của thế giới; Trung Quốc đứng thứ hai với 3,26 tỷ tấn; Nhật Bản đứng thứ năm 1,2 tỷ tấn, phần còn lại chủ yếu là Ấn Độ và các nước châu Phi. Lượng khí thải đã làm ô nhiễm môi trường của các nước đó và làm nhiệt độ trái đất tăng cao, ảnh hưởng đến môi trường các nước khác.

Nhiều nước trên thế giới đã xem bảo vệ môi trường là một trong những tiêu chí để đánh giá sản phẩm, doanh nghiệp. Thế giới sẵn sàng tẩy chay sản phẩm, dịch vụ nếu trong quá trình tạo ra sản phẩm, dịch vụ đó gây hại cho môi trường. Nhu cầu của người tiêu dùng đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường liên tục tăng mạnh, ngày càng nhiều người tiêu dùng mua các sản phẩm xanh và số lượng người sẵn sàng trả thêm tiền để mua các sản phẩm xanh cũng tăng cao.

Hiến chương của Liên Hiệp Quốc đã ghi nhận con người có quyền được sống trong một môi trường trong lành.

Tháng 4/2010, Liên minh châu Âu (EU) tuyên bố vào năm 2011 sẽ yêu cầu các doanh nghiệp thông báo rõ tác động môi trường của các sản

* ThS. Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Khoa học xã hội Việt Nam

phẩm và dịch vụ, với mục tiêu giảm hàm lượng tài nguyên tự nhiên trong hàng hóa dịch vụ. Tại Mỹ, nhiều luật ban hành liên quan đến bảo vệ môi trường: Luật Lacey sửa đổi về quy định liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ của nguyên liệu sản xuất đồ gỗ; đạo luật cải tiến an toàn sản phẩm tiêu dùng - CPSIA cho phép tiêu hủy các sản phẩm vi phạm; đạo luật Nông nghiệp 2008 (Farm Bill 2008); luật FDCA quy định mới cho hàng dược phẩm, thực phẩm, mỹ phẩm. Trung Quốc chuyển hướng sản xuất gắn với bảo vệ môi trường với việc xây dựng bộ tiêu chuẩn “nhãn xanh” từ năm 2001. Hầu hết các quốc gia đang phát triển ở châu Á đã xây dựng các bộ luật bảo vệ môi trường.

Một trong những xu hướng phát triển kinh tế thế giới hiện nay là tự do hóa thương mại. Tự do hóa thương mại, một mặt, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thế giới, mặt khác làm trầm trọng thêm vấn đề ô nhiễm môi trường qua biên giới, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên. Để hạn chế tác động tiêu cực của quá trình tự do hóa thương mại đối với môi trường, các nước ngày càng áp dụng nhiều quy định và tiêu chuẩn môi trường trong thương mại quốc tế. Điều này đã góp phần tích cực hạn chế ô nhiễm môi trường, khuyến khích sản xuất và trao đổi sản phẩm thân thiện với môi trường. Xu hướng gắn hoạt động thương mại với giữ gìn môi trường ngày càng phổ biến trên thế giới. Rào cản môi trường trong thương mại quốc tế rất đa dạng và được áp dụng rất khác nhau ở các nước tùy thuộc vào điều kiện ở từng nước. Rào cản thương mại đóng vai trò rất quan trọng trong, bảo vệ sự an toàn và lợi ích của người tiêu dùng, bảo vệ môi trường, tránh trở thành bãi thải công nghệ, bảo vệ lợi ích quốc gia, bảo hộ các ngành sản xuất trong nước, giúp các doanh nghiệp trong nước có điều kiện đầu tư nâng cao công nghệ sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh, giúp chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng, hạn chế nhập siêu, tăng thu ngân sách, tạo việc làm, bảo vệ an ninh quốc gia. Về tổng thể, rào cản môi trường được áp dụng trong thương mại quốc tế gồm:

- Các phương pháp chế biến và sản xuất theo quy định môi trường (PPM): Những quy định và tiêu chuẩn về phương pháp chế biến, quá trình sản xuất sản phẩm được áp dụng để hạn chế chất thải ô nhiễm và lãng phí tài nguyên không tái tạo hủy hoại môi trường.

- Các yêu cầu về đóng gói bao bì: Vấn đề bao bì sau tiêu dùng liên quan đến việc xử lý chất thải rắn. Các chính sách đóng gói bao gồm những quy định liên quan đến nguyên vật liệu đóng gói, những quy định về tái sinh, những quy định về xử lý và thu gom sau quá trình sử dụng...

Những quy định không phù hợp có thể bị thị trường từ chối cả nguyên liệu đóng gói và sản phẩm chứa trong bao bì, ảnh hưởng đến cạnh tranh thương mại quốc tế.

- **Nhãn sinh thái:** Sản phẩm được dán nhãn sinh thái nhằm mục đích thông báo cho người tiêu dùng biết là sản phẩm đó được coi là tốt hơn về mặt môi trường. Các tiêu chuẩn về dán nhãn sinh thái được xây dựng dựa trên cơ sở phân tích chu kỳ vòng đời của sản phẩm, một quá trình còn được gọi là phương pháp phân tích từ đầu đến cuối. Theo phương pháp này, người ta sẽ đánh giá mức độ ảnh hưởng đối với môi trường của sản phẩm ở các giai đoạn khác nhau trong toàn bộ chu kỳ sống của nó. Các giai đoạn này bao gồm giai đoạn tiền sản xuất (chế biến các nguyên liệu thô), sản xuất, phân phối (bao gồm đóng gói), sử dụng tiêu thụ và loại bỏ sau khi sử dụng. Tác dụng của nhãn hiệu sinh thái được coi như là một công cụ xúc tiến, cạnh tranh với những sản phẩm không dán nhãn.

- **Các biện pháp kiểm dịch động thực vật.** Những biện pháp được áp dụng trong thương mại quốc tế là HACCP đối với thủy sản và thịt, SPS đối với các sản phẩm có nguồn gốc đa dạng sinh học...

- **Các tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật đối với sản phẩm:** Một trong những quy định quốc tế phổ biến áp dụng trong thương mại quốc tế là Hiệp định về rào cản kỹ thuật trong thương mại (TBT).

Thị trường nước ngoài rất khắt khe đối với việc sử dụng thực phẩm, nhất là vệ sinh an toàn thực phẩm vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người sử dụng. Các nhà nhập khẩu đòi hỏi quá trình sản xuất, chế biến phải đúng quy trình an toàn vệ sinh thực phẩm.

Ngày nay để quản lý nhà nước môi trường có hiệu quả, các quốc gia thường sử dụng kết hợp các công cụ hành chính với công cụ kinh tế, dựa vào các hình phạt hành chính và các hình phạt khác nhằm tăng cường hiệu lực thực hiện quy định. Trong biện pháp công cụ kinh tế, các quốc gia thường sử dụng thuế và lệ phí đánh vào việc nhập khẩu hay sử dụng các sản phẩm có hại cho môi trường, ký thác - hoàn trả khuyến khích tái chế và sử dụng các sản phẩm đã qua sử dụng, trợ giá khuyến khích sử dụng các sản phẩm có lợi cho môi trường.

Ở Việt Nam các nghiên cứu đều nhận định, đường lối mang tính nhất quán của Việt Nam là chú trọng tới tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường, an sinh xã hội, nhiều chiến lược kế hoạch được ban hành. Song, quan điểm chủ trương đưa ra đúng, nhưng thực hiện còn ít, cơ chế chính

sách lại không phù hợp, nhiều khi còn hạn chế, đưa đến môi trường ngày càng ô nhiễm.

Trong những năm qua tăng trưởng kinh tế đã kéo theo sự tăng sử dụng tài nguyên, nhiên liệu, sử dụng không hợp lý, lãng phí đưa đến ô nhiễm môi trường ngày càng tăng. Đường như ô nhiễm và tăng trưởng kinh tế là một nghịch lý phát triển của đất nước.

Đi đôi với tăng trưởng kinh tế là việc khai thác, sử dụng tài nguyên theo kiểu “*chủ nghĩa thực dân*”, thể hiện ở cách làm vơ vét lấy được, đặt mục tiêu lợi nhuận là chính, không quan tâm lợi ích cộng đồng và người dân, không trách nhiệm với thế hệ sau. Đáng kể là hoạt động khai thác khoáng sản để lại nhiều hậu quả về mặt môi trường nhưng công tác quản lý và bảo vệ môi trường vẫn còn mang tính đối phó, hình thức, việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định vẫn chưa được thực hiện triệt để, công tác quản lý, giám sát bảo vệ môi trường chưa được thực hiện đúng theo yêu cầu, vai trò giám sát của các tổ chức xã hội, cộng đồng địa phương còn nhiều hạn chế...

Cùng với ô nhiễm môi trường trong khai thác khoáng sản, môi trường đất thoái hóa do lạm dụng phân bón, thuốc trừ sâu, phát triển giống cao sản làm cho đất bạc màu nhanh, xói mòn tài nguyên đất, làm giảm độ phì đất, suy thoái đất. Rừng tự nhiên bị tàn phá, chất lượng rừng xuống cấp, diện tích che phủ rừng giảm mạnh. Rừng giàu, rừng nguyên sinh chỉ còn rất ít và rừng tái sinh chiếm phần lớn diện tích rừng. Việc chuyển mục đích sử dụng rừng nghèo sang trồng cây công nghiệp, phủ xanh đất trống đồi trọc; phát triển mạnh các khu công nghiệp, phát triển thủy điện, công trình giao thông, khu du lịch, đô thị ven biển, chiếm quá nhiều đất, gây ô nhiễm môi trường. Việc chiếm diện tích trồng phi lao ven biển, phá vỡ bức tường thành chặn bão và nước biển một cách tự nhiên. Lũ, lụt, ngập úng, xảy ra nghiêm trọng một phần do thiên tai, biến đổi khí hậu, một phần do con người gây ra.

Môi trường nước bị ô nhiễm nặng do ảnh hưởng chất thải từ các đô thị và các cơ sở công nghiệp cung cấp những chất độc hại. Theo Thống kê của Bộ Kế hoạch & Đầu tư (2006-2008) và số liệu điều tra của TCMT (tháng 10/2009), cả nước có 223 khu công nghiệp (KCN), nhưng mới có 32,7% KCN có hệ thống xử lý nước thải (tính đến số KCN được thành lập đến hết năm 2008) và nếu tính cả các KCN đang xây dựng cơ bản đến hết năm 2008 thì có 43,3% KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Như vậy, ít nhất cũng có 56,7% KCN thả nổi việc xử lý nước thải

của các đơn vị trên địa bàn quản lý của họ. Nếu đầu tư hệ thống xử lý nước thải đúng chuẩn, doanh nghiệp sẽ không cạnh tranh nổi với các đơn vị khác bởi chi phí cho hệ thống này ít nhất cũng làm đội chi phí sản xuất lên hơn 20%. Chi phí xử lý nước thải quá tốn kém, làm tăng chi phí sản xuất nên doanh nghiệp không thể cạnh tranh được. Ảnh hưởng và nguy cơ tiềm ẩn từ nguồn thải hệ thống KCN đối với môi sinh ngày một rõ. Nước thải từ KCN là một trong những nguồn chính gây ô nhiễm lưu vực sông. Báo chí và Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam đã lên tiếng về ô nhiễm môi trường sông Đồng Nai và Thị Vải do các doanh nghiệp, trong đó có Vedan... đã thải các hóa chất ra mà không xử lý.

Ô nhiễm không khí, khói bụi, tiếng ồn, rác thải rắn chứa nhiều chất độc hại ngày càng tăng. Khí thải, khói bụi từ ô tô xe máy của các thành phố, từ KCN tăng đã ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe người lao động và cộng đồng dân cư phụ cận. Rác thải, chất thải rắn từ các cơ sở sản xuất, KCN, khu dân cư rất ít được thu gom và xử lý. Theo quy định, tất cả các KCN phải có khu vực phân loại và trung chuyển chất thải rắn. Nhưng trên thực tế rất ít KCN đầu tư xây dựng hạng mục này. Theo Bộ Y tế, tổng chất thải rắn từ các cơ sở y tế cả nước khoảng 300 tấn/ngày, trong đó 40 - 50 tấn là chất thải rắn nguy hại cần xử lý, có tới 62,3% số bệnh viện chưa có hệ thống xử lý nước thải, số lò đốt hiện đại đạt tiêu chuẩn môi trường mới đáp ứng khoảng 40% nhu cầu của các bệnh viện, 60% thiêu đốt thủ công.

Môi trường ăn uống cũng đang báo động về chất độc hại trong thực phẩm và vệ sinh trong các bếp ăn tập thể làm giảm chất lượng sống của người dân. Môi trường ô nhiễm đang gây ra hậu quả nghiêm trọng cho người dân, bệnh tật tràn lan, nhiều làng ung thư xuất hiện, gây thiệt hại rất lớn cho trồng trọt chăn nuôi với dịch cúm gia cầm, lở mồm long móng, bệnh lợn tai xanh, liên cầu khuẩn trên lợn...

Hiện tượng ô nhiễm môi trường tàn phá tự nhiên ngày càng tăng, đã tác động không thuận lợi đến thời tiết, thiên tai bão lũ lụt ngày càng trầm trọng. Theo Liên Hợp Quốc, Việt Nam nằm trong 10 nước hàng đầu trên thế giới bị thiệt hại do thiên tai. Mỗi năm Việt Nam có nhiều người chết và mất tích vì thiên tai, tổng thiệt hại tài sản ước tính tương đương 1,5% GDP, trong đó hơn 70% thuộc các tỉnh miền Trung. Nếu trừ đi thiệt hại về môi trường thì tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm của nước ta bị suy giảm.

Theo Diễn đàn kinh tế thế giới, Việt Nam hiện đang đứng vào hạng đội sổ trong số các nước ASEAN về độ bền vững môi trường.

Như vậy là không có sự đồng bộ giữa tăng trưởng kinh tế với sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường. Có thể nói những tồn tại trên ở nước ta thời gian qua là hệ quả tất yếu của quá trình tăng trưởng kinh tế khai thác sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường. Chúng ta cần tập trung khắc phục tình trạng này. Điều quan trọng không phải chỉ chú ý đến từng khía cạnh mà phải tổng hợp, lồng ghép, cân đối giữa các mặt kinh tế, tài nguyên và môi trường. Các khía cạnh kinh tế, tài nguyên và môi trường phải được tổng hòa và được cân đối một cách thận trọng bằng các chính sách và thực thi hỗ trợ nhau.

Đã qua thời kỳ phát triển kinh tế bất chấp mọi giá. Bảo vệ môi trường, sự hài hoà với thiên nhiên chính là chứng chỉ của một nền kinh tế phát triển bền vững.

Việt Nam, cần hướng đến một sự phát triển bền vững, đồng nghĩa với việc chống lại những hành vi gây mất cân bằng, đe dọa sự phát triển bền vững của thế giới, cả về kinh tế, xã hội và môi trường. Cơ chế quản lý cùng các chính sách, hệ thống luật pháp của Việt Nam nói chung ngày càng hoàn thiện phù hợp với luật pháp quốc tế và phát huy hiệu lực quản lý nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế gắn với môi trường. Ở Việt Nam, Pháp lệnh bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng nghiêm cấm hành vi “sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ gây ô nhiễm nghiêm trọng môi trường, nguy hại đến tính mạng, sức khỏe của con người” được ban hành nhằm phát triển những sản phẩm tái sinh hoặc thân thiện với môi trường thay thế các sản phẩm gây ô nhiễm, bảo vệ và quản lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Thực trạng cho thấy công tác quản lý, kiểm soát ô nhiễm do các cơ quan quản lý môi trường nhà nước và địa phương yêu cầu bắt buộc doanh nghiệp phải thực hiện chưa thực sự đáp ứng với mức độ chuyên nghiệp theo yêu cầu bảo vệ môi trường (BVMT) mà nhiều nước đặt ra. Những nghiên cứu cho thấy, khả năng đáp ứng các yêu cầu môi trường của hàng Việt Nam còn hạn chế. Nhiều lô hàng thủy sản, thịt, rau quả xuất sang Nhật, EU, Hoa Kỳ, Ôxtrâyliia trong những năm qua bị trả lại hoặc bị cảnh cáo do còn chứa dư lượng độc tố và vi sinh cao, chất lượng bao bì không đảm bảo, quy trình vận chuyển, bảo quản chưa khoa học... Nguyên nhân của tình trạng này là do hạn chế về công nghệ chế biến, sản xuất phân tán nên hạn chế việc áp dụng tiêu chuẩn thống nhất, thiếu kinh phí để có các chứng nhận về môi trường.

Gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đòi hỏi hàng hoá, dịch vụ của chúng ta phải đáp ứng được các yêu cầu về môi trường để vượt

qua rào cản "xanh" mà nhiều nước đang áp dụng, đồng thời năng lực BVMT trong nước cũng phải nâng cao để đáp ứng được các biện pháp quản lý sắp tới sẽ phải áp dụng chung cho cả hàng hoá trong nước và hàng nhập khẩu.

Thực tế cho thấy các biện pháp quản lý thương mại các sản phẩm có liên quan tới môi trường ngày càng trở thành những công cụ để BVMT.

Cần phải làm gì, làm như thế nào và cần có những giải pháp gì để thúc đẩy sự phát triển bền vững gắn tăng trưởng kinh tế với sử dụng nguyên nhiên liệu hiệu quả tránh gây ô nhiễm môi trường nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống người dân? Để đáp ứng yêu cầu BVMT các giải pháp đề xuất phải kết hợp tích cực các biện pháp hành chính, các tiêu chuẩn môi trường, các công cụ kinh tế cùng tuyên truyền giáo dục nhằm giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường.

Về phía Nhà nước

Cần xây dựng bộ chuẩn mang tiêu chuẩn quốc tế. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn môi trường quốc gia trên cơ sở các yêu cầu quốc tế và đặc thù của Việt Nam.

Bộ tiêu chuẩn về sản xuất nông nghiệp trước hết phải bắt đầu từ khâu chọn giống, bảo vệ môi trường, thức ăn, các tiêu chuẩn chế biến bảo quản.

Việc xây dựng và ban hành tiêu chuẩn quốc gia về nước thải ngành với những chỉ tiêu ô nhiễm phù hợp, khả thi là hết sức cần thiết.

Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9000, ISO 14000, HACCP.

Xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá và giám sát bảo vệ môi trường.

Tuyên truyền giáo dục và nâng cao nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường, giáo dục ý thức cộng đồng và nâng cao nhận thức về môi trường đối với các cơ quan quản lý và doanh nghiệp; không chỉ dựa vào tuyên truyền mà còn cần có công cụ kinh tế để điều chỉnh hành vi của người sản xuất.

Cấp ngân sách cho đầu tư bảo vệ môi trường khoảng 1 - 2% GDP trong thời kỳ trước mắt. Ở Trung Quốc và các nước ASEAN đầu tư cho môi trường trung bình hàng năm khoảng 1% GDP, ở các nước phát triển thường chiếm từ 3 - 4% GDP.

Sử dụng công cụ tài chính phục vụ cho bảo vệ môi trường. Đánh thuế môi trường vào nhà sản xuất để khuyến khích những doanh nghiệp sản xuất nhiều hơn các sản phẩm thân thiện với môi trường.

Rút giấy phép, phạt nặng, đánh thuế cao, không cho vay tín dụng các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường. Trung Quốc đã mạnh tay trong chính sách tín dụng xanh khi quyết định hoãn hoặc thu hồi vốn vay của 12 doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường.

Với nhà sản xuất, phải có hỗ trợ, giảm thuế đầu vào đối với những sản phẩm xanh để không làm chênh lệch giá cũng như giúp họ thay đổi công nghệ, giúp cho chi phí của doanh nghiệp không bị đẩy lên cao.

Nhà nước phải có cơ chế chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp sản xuất ra các sản phẩm thân thiện với môi trường. Hiện nay, một số bộ, ngành, địa phương cũng đã có chủ trương này song do thủ tục thực hiện quá phức tạp nên ở nhiều nơi cơ chế này vẫn chưa đến được với doanh nghiệp. Gần như các doanh nghiệp vẫn phải tự bơi nếu muốn sản xuất ra sản phẩm thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Việc tạo điều kiện của Nhà nước phải được cụ thể hóa bằng các quy định pháp quy rõ ràng với thủ tục thực hiện tinh gọn, mới giúp chủ trương này phát huy được hiệu quả trong thực tế.

Đẩy mạnh đàm phán quốc tế nhằm hội nhập sâu hơn vào các tổ chức thương mại và môi trường để có thể tham gia rà soát hiệp định, xây dựng tiêu chuẩn quốc tế và tận dụng quyền nhận xét các quy định và tiêu chuẩn quốc tế.

Ở cấp độ doanh nghiệp

Đầu tư đổi mới công nghệ, đặc biệt là công nghệ chế biến và bảo quản để hạn chế ô nhiễm trong quá trình sản xuất, loại bỏ độc tố và dư lượng vi sinh trong sản phẩm.

Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp (KCN, CCN) cần phải có dự án xây dựng ngay các nhà máy xử lý nước thải, chất thải song song ngay khi xây dựng cơ sở hạ tầng tránh tình trạng tại các KCN, CCN trở thành địa điểm gây ô nhiễm tập trung.

Chất thải được tận dụng để tái chế, tái sử dụng tối đa nhằm giảm lượng chất thải đem đi chôn lấp.

Từng bước áp dụng các phương pháp sản xuất sạch, phát triển nông nghiệp hữu cơ, chuyển đổi giống cây con theo hướng năng suất cao và bảo tồn, phát triển đa dạng sinh học;

Cần tổ chức đầu tư vùng nguyên liệu trọng điểm (hợp đồng với nhà vườn, cung ứng và giám sát thực hiện đúng quy trình về sử dụng giống, vật tư nông nghiệp, thời gian thu hoạch, truy nguyên nguồn gốc...).

Các doanh nghiệp cần rà soát một cách kỹ lưỡng, cẩn thận những hoá chất, chất trợ... đang sử dụng (bao gồm cả hàng nhập khẩu và sản xuất trong nước), phải biết rõ nguồn gốc, xuất xứ của chúng và cần có “hồ sơ” của từng loại hoá chất. Thay thế vào đó là những hoá chất, chất trợ thân thiện với môi trường, chất lượng tốt, không độc hại và ít ô nhiễm môi trường.

Tuân thủ các quy trình vận chuyển, bảo quản, đóng gói để nâng cao yêu cầu vệ sinh thực phẩm.

Chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm của một loại nông sản thực phẩm được quyết định tại tất cả các công đoạn của chuỗi cung cấp sản phẩm, mà công đoạn đầu tiên, gay go nhất hiện nay đối với Việt Nam là khâu sản xuất (giống, phương thức canh tác, bảo quản...) và hạn chế lớn nhất là tư duy, nhận thức của người nông dân còn thiếu và yếu.

Để bảo vệ môi trường đối với hàng nông thủy sản, tất cả các công ty cần phải:

- Tiến hành các chương trình phòng ngừa nguy cơ lây nhiễm các hóa chất độc hại đối với các sản phẩm nông thủy sản.

- Lấy chứng nhận sản phẩm không có tạp chất, hoạt chất và các vi sinh gây hại cho tất cả các sản phẩm xuất khẩu.

- Chú trọng không buôn bán hoặc sử dụng các hóa chất độc hại trong chế biến nông thủy sản.

- Tăng cường đầu tư các thiết bị hiện đại và đảm bảo chất lượng sản phẩm bằng việc áp dụng ISO 9000, ISO 14000 và các tiêu chuẩn HACCP.

- Thiết lập mối quan hệ giữa các nhà cung cấp nông thủy sản và các công ty chế biến, chủ động tiến hành ký kết hợp đồng thu mua với nông ngư dân vào đầu vụ thu hoạch để đảm bảo nguồn cung cấp nguyên liệu bền vững.

Về phía người tiêu dùng

Người tiêu dùng cần phải thấy sản phẩm không trực tiếp gây hại nhưng nó được tạo nên bằng sự gian dối, bằng hành vi tàn phá môi trường, vi phạm pháp luật thì phải có trách nhiệm từ chối.

Không mua sản phẩm, dịch vụ của những doanh nghiệp có hành vi gian dối, vi phạm pháp luật, đạo đức kinh doanh hoặc gây ô nhiễm môi trường. Việc từ chối một sản phẩm, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường hoặc được tạo ra trong quá trình gây ô nhiễm môi trường buộc doanh nghiệp phải thực thi đạo đức kinh doanh, tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường;

Sử dụng đèn tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm điện, tích cực sử dụng các nguồn năng lượng vô hạn như năng lượng mặt trời. Sử dụng túi giấy thay túi nilon; Tăng cường sử dụng các sản phẩm xanh; Không lãng phí nước, ga; Bỏ đi ô tô, xe máy, đạp xe để tiết kiệm năng lượng, hạn chế khói bụi.

Tài liệu tham khảo

1. Trung tâm khuyến nông quốc gia: <http://www.khuyennongvn.gov.vn>
2. Cổng thông tin điện tử tích hợp Tổng cục môi trường.
3. Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam: <http://www.monre.gov.vn>
4. Tạp chí Nghiên cứu Phát triển bền vững (Viện nghiên cứu Môi trường và Phát triển bền vững).